TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **150/**2017/HSST
Ngày: 14-12-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thủy** – Phó Bí thư ĐTNCSHCM huyện Xuân Lộc.
2. Ông **Trần Văn Xuân** – Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng** – Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số **123/2017/HSST** ngày 07 tháng 10 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **149/**2017/QĐXX-HS ngày 13 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN ANH Q, sinh ngày 12-8-1999, tại Đồng Nai; Đăng ký thường trú: Ấp 2, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1976 và bà Hồ Thị B, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giam từ ngày **24-6-2017** đến nay.

2. VÕ ĐÌNH Đ, sinh năm 1999, tại Đồng Nai; Đăng ký thường trú: Ấp 4, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Võ Đình C, sinh năm 1955 và bà Trần Thị D (Đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giam từ ngày **24-6-2017** đến ngày.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Đình Đ**: Ông **Võ Đình C**, sinh năm 1955, là cha ruột của bị cáo. *(Có mặt)*

Đăng ký thường trú: Ấp 4, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

*** Người bào chữa cho bị cáo Võ Đình Đ**:

Luật sư **Nguyễn Thị L** – Văn phòng luật sư Nguyễn Thị L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

*** Người bị hại:**

Ông **Phạm Xuân F**, sinh năm 1964. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Nguyễn Đình G**, sinh năm 2000. *(Có mặt)*

Do bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 là mẹ ruột làm đại diện hợp pháp. *(Có mặt)*

Cùng đăng ký thường trú: Ấp 4, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1998.

Đăng ký thường trú: Ấp 4, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

3. Chị **Lê Hoài N**, sinh năm 1996.

Đăng ký thường trú: Khu 6, TT.G, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

4. Anh **Trần Văn Quốc U**, sinh năm 1985.

Đăng ký thường trú: Ấp 5, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

5. Anh **Phạm Quang I**, sinh năm 1998.

Đăng ký thường trú: Tổ 3, khu 3, TT.G, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh Q đã từng làm thuê tại Cơ sở sản xuất kinh doanh sắt thép QT, thuộc ấp T, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, của anh Phạm Xuân F, nên Q biết rõ cấu trúc nhà xưởng của cơ sở và vị trí anh F thường để tiền tại quầy giao dịch. Do vậy, Q rủ Đ, Đ rủ G vào trong Cơ sở sản xuất kinh doanh sắt thép QT để trộm cắp tài sản, Đ và G đồng ý. Khoảng 01 giờ 00 ngày 02-10-2016, Q, Đ và G sử dụng xe mô tô hiệu VINA, màu nâu, mang biển số 60K9-2200 của ông Võ Đình C (cha ruột của Đ) chở đến bên hông nhà xưởng của Cơ sở sắt thép Q Tiến. Q dùng kéo sắt Đ mang theo cắt vách tôn bên hông xưởng tạo lỗ hổng kích thước khoảng 30cm x 40cm, rồi Đ chui vào trong, còn Q và G đứng bên ngoài cảnh giới. Theo sự hướng dẫn từ trước của Q, Đ đi vào trong quầy giao dịch lấy trộm 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO Neo 3, để trên bàn làm việc và 04 cái túi xách màu nâu ở phía dưới bàn làm việc,

bên trong các túi có tổng số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Đ dấu điện thoại vào túi quần và cầm 04 túi xách đựng tiền đi ra ngoài gặp Q và G. G điều khiển xe mô tô chở Đ và Q đi về phòng trọ của Đ tại xã X và chia nhau số tiền vừa lấy trộm được. Q được chia phần nhiều nhất rồi đến Đ, ít nhất là G. Sau khi chia tiền, Q đếm được 41.000.000 đồng, Đ là 36.000.000 đồng và G là 23.000.000 đồng. Đối với cái điện thoại di động hiệu OPPO Neo 3, Đ dấu riêng để sử dụng, sau đó Đ cho Nguyễn Văn Q mượn sử dụng, bị hỏng nên vứt bỏ.

Trị giá cái điện thoại di động hiệu OPPO Neo 3, là 600.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định độ tuổi của Võ Đình Đ và Nguyễn Đình G như sau:

- Võ Đình Đ có giấy khai sinh do Uỷ ban nhân dân xã X cấp ngày 28-8-2006, ghi sinh ngày 18-8-2000. Do giấy khai sinh của Đ thuộc trường hợp đăng ký quá hạn 06 năm, nên tiến hành giám định, tại kết quả trưng cầu giám định của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai về độ tuổi số **0411/ĐT/2017** ngày 13-6-2017, kết luận: "Độ tuổi của Võ Đình Đ là 18 tuổi (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định 02/6/2017". Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo xác định tuổi của Võ Đình Đ vào ngày thực hiện hành vi phạm tội (ngày 02/10/2016) là 16 tuổi 10 tháng, năm sinh là 1999.

- Nguyễn Đình G có giấy khai sinh do Uỷ ban nhân dân xã X cấp ngày 28-9-2006, ghi sinh ngày 25-12-2000. Do giấy khai sinh của G thuộc trường hợp đăng ký quá hạn 06 năm, nên tiến hành giám định, tại kết quả trưng cầu giám định của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai về độ tuổi số **0412/ĐT/2017** ngày 13-6-2017, kết luận: "Độ tuổi của Nguyễn Đình G là 17 tuổi (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định 02/6/2017". Áp dụng nguyên tắc có lợi nên xác định tuổi của Nguyễn Đình G vào ngày thực hiện hành vi phạm tội (ngày 02/10/2016) là 15 tuổi 10 tháng.

Vật chứng vụ án thu giữ:

- 01 (*Một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu VINA, màu nâu, mang biển số 60K9-2200, của ông Võ Đình C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc đã trả lại cho ông C.

- Đối với cái kéo sắt các bị cáo sử dụng để cắt vách tôn, đã vứt bỏ trên đường không rõ địa điểm, nên không thu giữ được.

- Đối với cái điện thoại di động hiệu OPPO Neo 3, Nguyễn Văn Q mượn sử dụng, bị hỏng đã vứt bỏ nên không thu giữ được.

Bản cáo trạng số **141**/CT-VKS-HS ngày 16-10-2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, truy tố các bị cáo Nguyễn Anh Q và Võ Đình Đ về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Anh Q và Võ Đình Đ khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng mô tả. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội: *"Trộm cắp tài sản"*. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Anh Q và Võ Đình Đ về tội: *"Trộm cắp tài sản"*. Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người chưa thành niên; nhân thân chưa tiền án, tiền sự; Bị cáo Nguyễn Anh Q đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 74 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q từ **02 năm** đến **02 năm 6 tháng**; Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 74 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Đình Đ **01 năm 6 tháng** đến **01 năm 8 tháng**; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, buộc đại diện hợp pháp của Võ Đình Đ phải bồi thường cho anh Phạm Xuân F số tiền 36.000.000 đồng; buộc đại diện hợp pháp của Nguyễn Đình G bồi thường cho anh Phạm Xuân F số tiền 15.000.000 đồng.

Ý kiến của người bị hại anh Phạm Xuân F: Yêu cầu đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Đình Đ bồi thường cho anh số tiền 36.000.000 đồng và yêu cầu đại diện hợp pháp của Nguyễn Đình G bồi thường bổ sung cho anh 15.000.000 đồng, ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện hợp pháp cho bị cáo Võ Đình Đ: Chấp nhận bồi thường cho bị hại 36.000.000đồng, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Đ.

Ý kiến của đại diện hợp pháp của Nguyễn Đình G: Chấp nhận bồi thường cho bị hại 15.000.000đồng nhưng xin trả dần.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Đình Đ: Thống nhất như kết luận của Đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, bị cáo nhất thời phạn tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội; hoàn cảnh kinh tế khó khăn; học vấn thấp nên nhận thức pháp luật kém; không có tình tiết tăng nặng; là người chưa thành niên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Anh Q: Bị cáo ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Võ Đình Đ: Bị cáo ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Anh Q và Võ Đình Đ khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 01 giờ 00 ngày 02-10-2016, tại Cơ sở sản xuất kinh doanh sắt thép QT, của anh Phạm Xuân F các bị cáo Nguyễn Anh Q, Võ Đình Đ và anh Nguyễn Đình G đã dùng kéo sắt cắt vách tôn, chui vào trong lấy trộm 100.000.000 (*Một trăm triệu)* đồng, chia nhau: Q được 41.000.000đồng, Đ là 36.000.000đồng và G là 23.000.000đồng, Đ 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO Neo 3, trị giá 600.000 đồng để sử dụng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Anh Q và Võ Đình Đ phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo Điều 138 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, nên cần đưa ra xét xử và áp dụng mức hình phạt nghiêm, nhằm răn đe các bị cáo và để giáo dục phòng ngừa chung.

Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị trên năm mươi triệu đồng và dưới hai trăm triệu đồng, nên bị xét xử theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó, bị cáo Q là người khởi xướng, bị cáo Đ là người thực hiện tích cực nhất cuối cùng là Nguyễn Đình G. Do đó, hình phạt áp dụng cho các bị cáo là tùy thuộc vào tính chất, mức độ tham gia thực hiện tội phạm của từng bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa tiền án, tiền sự; là người chưa thành niên; bị cáo Q tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo Q được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46; Điều 74 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46; Điều 74 Bộ luật Hình sự. Do đó cũng xem xét cho các bị cáo trong khi quyết định hình phạt.

Đối với Nguyễn Đình G khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi, nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện Xuân Lộc xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn Quý mượn cái điện thoại di động hiệu OPPO Neo 3, sử dụng, anh không biết đó là tài sản trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về dân sự:

Anh Phạm Xuân F không có yêu cầu bổ sung đối với bị cáo Q, nên không xét.

Anh F yêu cầu Đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Đình Đ bồi thường 36.000.000 đồng, Đại diện hợp pháp của bị cáo Đ chấp nhận toàn bộ nên ghi nhận;

Anh CườFng yêu cầu Đại diện hợp pháp của anh G bồi thường bổ sung 15.000.000 đồng, Đại diện hợp pháp của anh G (bà H) chấp nhận toàn bộ, nhưng xin trả dần.

Xét thấy yêu cầu của anh Cường là phù hợp với quy định pháp luật, Võ Đình Đ và Nguyễn Đình G không có tài sản để bồi thường nên áp dụng Điều 586 Bộ luật Dân sự 2015, ông Võ Đình C là cha ruột của Võ Đình Đ và bà

Nguyễn Thị H là mẹ ruột của Nguyễn Đình G, phải bồi thường thiệt hại cho anh Phạm Xuân F.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Anh Q và Võ Đình Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Võ Đình C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng x 5% = 1.800.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng.

Phát biểu của luật sư bào chữa cho bị cáo Đ được chấp nhận một phần phù hợp với sự nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh Q và Võ Đình Đ phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

a. Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46; Điều 53, Điều 74 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Anh Q - 02 năm 02 tháng** *(Hai năm hai tháng)* tù, thời hạn tù tính từ ngày **24-6-2017.**

b. Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46; Điều 53, Điều 74 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Võ Đình Đ - 02 năm** *(Hai năm)* tù, thời hạn tù tính từ ngày **24-6-2017.**

2. *Về dân sự:* Áp dụng Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Võ Đình C phải bồi thường cho anh Phạm Xuân F **36.000.000** *(Ba mươi sáu triệu)* đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị H bồi thường cho anh Phạm Xuân F **15.000.000** (*Mười lăm triệu*) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh Phạm Xuân F *(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)* hàng tháng ông Võ Đình C và bà Nguyễn Thị H phải chịu lãi suất cơ bản theo mức quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản tiền chưa thi hành.

3. *Về án phí:* Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q Hội về án phí.

Buộc Nguyễn Anh Q và Võ Đình Đ mỗi bị cáo nộp **200.000** *(Hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc Ông Võ Đình C nộp **1.800.000** (*Một triệu tám trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Buộc bà Nguyễn Thị H nộp **750.000** (*Bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Các bị cáo, Đại diện hợp pháp bị cáo, bị hại, anh G, bà F được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; anh Q, chị N, anh U và anh I được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Anh Dũng

Nơi nhận:
- *TAND. Tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND. Tỉnh Đồng Nai;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;*
- *Công an H.Xuân Lộc;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuân Lộc;*
- *UBND xã X;*
- *Các bị cáo; - Các đương sự;*
- *Hồ sơ thi hành án;*
- *Lưu án văn, hồ sơ vụ án.*